

**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: 7037 /BTC-CST  
V/v xử lý thuế nhập khẩu đối với  
xe ô tô tải tự đồ

Hà Nội, ngày 2 tháng 6 năm 2010

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thời gian qua, Bộ Tài chính nhận được kiến nghị của một số doanh nghiệp liên quan đến việc phân loại và thu thuế nhập khẩu đối với xe ô tô tự đồ có trọng tải trên 24 tấn nhập khẩu. Về vấn đề này, Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

**1. Quy định của pháp luật về thuế nhập khẩu đối với xe ô tô tải tự đồ có trọng tải trên 24 tấn nhập khẩu:**

Thời điểm năm 2003, để đảm bảo phù hợp với quy định phân loại của HS, tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi (ban hành kèm theo các Quyết định số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25/7/2003, Quyết định số 39/2006/QĐ-BTC ngày 28/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) quy định việc phân loại để tính thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe ô tô tự đồ trên 24 tấn nhập khẩu như sau:

TT	Mô tả	Mã số hàng hoá
1	Loại xe tự đồ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường cao tốc có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn;	8704.10.21.10
2	Loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel), có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn;	8704.23.49.90
3	Loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn;	8704.32.89.90

Tuy nhiên, để phù hợp với bối cảnh cụ thể của Việt Nam (chưa có đường cao tốc), tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã quy định chi tiết việc phân loại các mặt hàng này như sau:

TT	Mô tả	Mã số hàng hoá
1	Loại xe tự đồ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn;	8704.10.22.10

2	Loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel), có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn;	8704.23.49.90
3	Loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn;	8704.32.89.90

Thực tế nhập khẩu chỉ có phát sinh với 02 loại xe thuộc mã số 8704.10.22.10 (mà trước đây là 8704.10.21.10) và 8704.23.49.90.

Về thuế suất, kể từ khi Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc có hiệu lực thi hành từ tháng 7/2007 thì loại xe tự đồ thuộc mã số 8704.10.22.10 (*loại không chạy trên đường quốc lộ*) do các doanh nghiệp nhập khẩu từ Trung Quốc đáp ứng quy định về xuất xứ (C/O form E) được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN – Trung Quốc với mức thuế suất là 10% (*Quyết định số 26/2007/QĐ-BTC ngày 16/4/2007 và Quyết định số 20/2008/QĐ-BTC ngày 05/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*) và mức hiện hành là 8% (*Quyết định số 111/2008/QĐ-BTC ngày 01/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*). Trường hợp không áp dụng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN – Trung Quốc thì áp dụng theo mức thuế suất theo từng giai đoạn tương ứng tại Biểu thuế nhập khẩu MFN với mức thuế suất là 20% (*tại Quyết định số 39/2006/QĐ-BTC*), 16% (*tại Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC*), 14% (*tại Quyết định số 123/2008/QĐ-BTC*), 12% (*tại Thông tư số 216/2009/TT-BTC*) và hiện hành là 8% (*tại Thông tư số 65/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010*).

Đối với mặt hàng xe ô tô tự đồ thuộc mã số 8704.23.49.90, theo quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc thì không áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với mặt hàng này được nhập khẩu từ Trung Quốc. Theo đó, mặt hàng ô tô tự đồ thuộc mã số 8703.23.49.90 nhập khẩu từ Trung Quốc áp dụng theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi MFN với mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 20% và hiện hành là 8% (*tại Thông tư số 65/2010/TT-BTC*).

Căn cứ các quy định nêu trên, thời gian qua (*trước thời điểm ban hành Thông tư 65/2010/TT-BTC*), cơ quan hải quan các địa phương căn cứ theo khai báo của doanh nghiệp để phân loại và áp thuế đối với xe tự đồ trên 24 tấn nhập khẩu từ Trung Quốc là 10% đối với xe không chạy trên đường quốc lộ, 20% đối với xe chạy trên đường quốc lộ. Các doanh nghiệp thực tế đã nộp thuế nhập khẩu theo cả 02 mức thuế suất nêu trên.

## **2. Vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện:**

Tuy nhiên, với quy định về phân loại và áp thuế đối với loại xe tự đồ như nêu trên dẫn đến cơ quan hải quan gặp nhiều vướng mắc do không kiểm soát, quản lý được việc lưu hành của phương tiện (*có chạy trên đường cao tốc hay không*), phát sinh gian lận thương mại do sự chênh lệch về thuế suất khá lớn (10%) giữa hai mã hàng.

Để xử lý vướng mắc nêu trên, sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học Công nghệ, Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) đã ban hành một số văn bản hướng dẫn cơ quan hải quan một số địa phương (Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng) về vấn đề phân loại xe ô tô tải tự đổ (Công văn số 3335/TCHQ-GSQL ngày 10/6/2007; công văn số 6631/TCHQ-GSQL ngày 26/11/2007; công văn số 1247/TCHQ-GSQL ngày 21/3/2008), với các tiêu chí phân loại mã số 8704.10.21.10 và 8704.10.22.10 để mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt là 10% như sau:

*“- Xe tải tự đổ được gắn với thân xe tự lật, cơ cấu nâng hạ thủy lực; thùng xe được chế tạo bằng các tấm thép có độ bền, phần trước của thùng xe được kéo dài lên trên ca bin của lái xe để bảo vệ buồng lái, phần xe dốc về phía sau.*

*- Tỷ lệ giữa tự trọng của xe và tải trọng tối đa của hàng hóa không vượt quá 1:1,6.*

*- Bị hạn chế tốc độ: Tốc độ tối đa 80 km/h.*

*- Hạn chế phạm vi hoạt động, thiết kế chủ yếu dùng chuyên chở trên công trường, nhà máy, hầm mỏ, địa hình xấu: Số lượng lốp nhiều 10-11 cái, kích cỡ lốp lớn hơn lốp xe tải thông thường; cơ cấu hộp số có 8 số tiến hoặc 9 số tiến, 1 số lùi thích nghi với hoạt động ở địa hình xấu; 03 trục, 9-12 nhíp thích hợp với tải trọng, hoạt động ở địa hình xấu.*

*- Khả năng leo dốc tối đa 40-42%, thông số này xác định xe ô tô phù hợp với việc thiết kế chủ yếu dùng chuyên chở trên công trường, nhà máy, hầm mỏ, nơi có địa hình xấu, phạm vi hoạt động gần.*

*- Hệ thống phanh gồm có: Hệ thống phanh chính (dạng khí nén); hệ thống phanh khẩn cấp (tác dụng lên cầu sau, dạng khí nén); hệ thống phanh phụ (phanh động cơ)”.*

Mặc dù các công văn hướng dẫn nêu trên đã đưa ra các tiêu chí phân loại cụ thể nhưng vẫn chưa thể giải quyết được việc doanh nghiệp nhập khẩu khai báo vào mã số 8704.10.21.10 và 8704.10.22.10 để hưởng mức thuế suất thấp nhưng vẫn lưu hành phương tiện trên đường cao tốc. Do vậy, sau khi thống nhất với Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, ngày 22/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 17927/BTC-TCHQ hướng dẫn Cục hải quan các tỉnh thành phố về việc phân loại mặt hàng xe ô tô tải tự đổ. Theo đó, ngoài các tiêu chí phân loại cụ thể như tại các công văn hướng dẫn nêu trên, công văn số 17927/BTC-TCHQ có hướng dẫn: Nếu doanh nghiệp khai là xe không sử dụng trên đường quốc lộ thì trong tờ khai xác nhận nguồn gốc xe, cơ quan Hải quan ghi rõ “Xe ô tô tải tự đổ không sử dụng trên các loại đường quốc lộ” để làm cơ sở cho cơ quan cấp đăng ký lưu hành cho xe sử dụng đúng mục đích. Trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký lưu hành như xe ô tô tự đổ thông dụng khác thì yêu cầu nộp bổ sung thuế nhập khẩu và thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm cấp đăng ký lưu hành.

Với hướng dẫn xác nhận nguồn gốc xe như nêu trên, cơ quan công an không cấp giấy phép lưu hành cho phương tiện ghi rõ “Xe ô tô tải tự đổ không

sử dụng trên các loại đường quốc lộ” bởi trong quá trình tham gia lưu thông, hoạt động các phương tiện này bắt buộc phải sử dụng mạng lưới đường quốc lộ. Trường hợp đề được cấp giấy phép lưu hành phương tiện, doanh nghiệp phải nộp bổ sung thuế nhập khẩu theo mức thuế suất 20%.

Để giải quyết đúng bản chất của vấn đề là do sự chênh lệch về thuế suất giữa 02 mã hàng hoá, sau khi thống nhất với các đơn vị liên quan, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 65/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/4/2010 quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của 02 mã hàng hoá 8704.10.22.10 và 8704.23.49.90 bằng với mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN – Trung Quốc là 8%.

Tuy nhiên do có sự thay đổi trong việc hướng dẫn phân loại mặt hàng như nêu trên dẫn đến việc thực hiện chính sách thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe ô tô tự độ trọng tải từ trên 24 tấn nêu trên được áp dụng khác nhau qua nhiều giai đoạn:

- Giai đoạn từ 2007 trở về trước: các địa phương thu thuế theo mức thuế suất 10% hay 20% căn cứ theo khai báo của doanh nghiệp.

- Giai đoạn từ 2008 đến thời điểm ban hành công văn số 17927/BTC-TCHQ: các địa phương thu thống nhất một mức 10%.

- Giai đoạn từ khi thực hiện công văn số 17927/BTC-TCHQ đến trước ngày Thông tư số 65/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 có hiệu lực: doanh nghiệp phải nộp mức thuế suất 20% để được đăng ký lưu hành phương tiện, trường hợp chỉ nộp theo mức thuế suất 10% (áp dụng đối với xe không chạy trên đường quốc lộ) thì cơ quan Công an không cấp đăng ký lưu hành phương tiện.

Bên cạnh đó, vấn đề tồn tại kể từ thời điểm trước khi Thông tư số 65/2010/TT-BTC có hiệu lực vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Các doanh nghiệp nhập khẩu khiếu nại về việc nộp bổ sung thuế nhập khẩu để được lưu hành phương tiện cũng như khó khăn trong việc truy thu đối với trường hợp đã cấp đăng ký lưu hành trước đây.

### **3. Đề xuất xử lý của Bộ Tài chính:**

Từ nội dung báo cáo nêu trên, căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ cho phép xử lý như sau:

- Đối với những xe đã nhập khẩu, đã nộp thuế với những mức thuế suất khác nhau từ năm 2007 trở về trước thì không truy thu, truy hoàn do người kinh doanh đã bán hết xe, đã quyết toán thuế; người mua xe đã đưa vào sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định, đưa vào chi phí công trình, sản phẩm và đã quyết toán thuế hàng năm.

- Năm 2008 đến trước ngày có công văn số 17927/BTC-TCHQ ngày 22/12/2009: Không phát sinh vướng mắc vì cơ quan hải quan thực hiện hướng dẫn phân loại và tính thuế theo một mức thuế suất 10%.

- Từ khi thực hiện công văn số 17927/BTC-TCHQ ngày 22/12/2009 đến trước ngày Thông tư số 65/2010/TT-BTC có hiệu lực thi hành (ngày 26/4/2010):

Đề nghị thống nhất áp dụng mức thuế 10% vì loại xe này thuộc nhóm tư liệu sản xuất, dùng để xây dựng cơ sở hạ tầng, trong nước chưa sản xuất được (từ 24 tấn đến dưới 45 tấn) đối với những xe đã thực hiện nộp thuế theo mức 20% thì thực hiện hoàn thuế (dự tính số hoàn thuế khoảng gần 40 tỷ đồng).

Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, có ý kiến chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TCHQ Vụ PC;
- Lưu: VT, CST (PXXK).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**